

蔬菜

shū

cài



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
一	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
一	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨

蔬														

菜												

Tarik gambar berikut dengan namanya secara tepat



y á ngc ō ng
洋葱



là ji ā o
辣椒



hú luó bo
胡萝卜



y ù m ǐ
玉米